

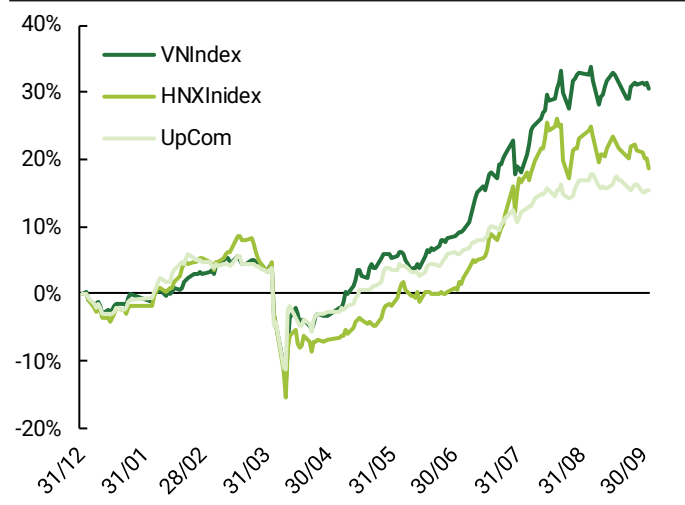
**VN-Index** **1652.71 (-0.74%)**  
 832 Tr. cổ phiếu 22837.2 Tỷ VND (5.38%)

**HNX-Index** **269.55 (-1.34%)**  
 75 Tr. cổ phiếu 1539.9 Tỷ VND (4.66%)

**UPCOM-Index** **109.79 (0.00%)**  
 24 Tr. cổ phiếu 341.5 Tỷ VND (-1.55%)

**VN30F1M** **1852.80 (0.00%)**  
 246,305 HD OI: 32,946 HD

### % Hiệu suất từ đầu năm (YTD) các chỉ số



### NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

- Diễn biến:** Chỉ số VNIndex đóng cửa tại 1652.7, giảm -12.3 điểm (-0.74%); VN30 giảm -10.8 điểm (-0.58%); HNXIndex giảm -3.7 điểm (-1.34%). Thanh khoản gia tăng nhưng vẫn dưới mức bình quân 20 phiên, độ rộng nghiêng về số mã giảm giá.
- Điểm nhấn trong phiên:** Nhóm Ngân hàng ban đầu giữ vai trò dẫn dắt đà tăng của thị trường, nhưng áp lực bán bất ngờ gia tăng khi gần kết phiên khiến chỉ số mất đà. Đa số nhóm ngành cũng lùi về mức đỏ.  
 Nhóm ngành và cổ phiếu phản ứng tích cực trong phiên: Du lịch và Giải trí: VPL (+0.1%), VJC (+0.5%). Nhóm ngành và cổ phiếu phản ứng yếu trong phiên: Ngân hàng: TPB (-2.6%), EIB (-2.5%), VPB (-2.4%) | Bất động sản: QCG (-4.4%), HDG (-4.3%), VRE (-4.2%) | Nguyên vật liệu: DPM (-4.6%), NKG (-3.1%), GVR (-2.0%) | Hàng & Dịch vụ Công nghiệp: VSC (-4.8%), GEE (-3.4%), GEX (-3.2%) | Thực phẩm và đồ uống: ASM (-2.7%), VHC (-2.0%), DBC (-1.6%)  
 Tác động chỉ số: Chiều tăng | VIC, MBB, TCB, LPB - Chiều giảm | VHM, VPB, VRE, VCB.  
 Khối ngoại tiếp tục Bán ròng hơn 2300 tỷ đồng, tập trung nhiều ở VHM, FPT, VPB, STB, trong khi mua ròng LPB, CTD, CII.

### GÓC NHÌN KỸ THUẬT

- VN-Index** kết phiên với mẫu hình nến sao băng (Shooting stars) hàm ý lực cung chi phối trở lại. Dù vậy, thanh khoản chưa đột biến để xác nhận tín hiệu đảo chiều tiêu cực. Vận động vẫn giữ trong biên độ tích lũy quanh khu vực 1640 - 1680 điểm. Nếu các phiên tới thị trường xuất hiện thêm nến đỏ dưới ngưỡng 1640 sẽ xác nhận cho đà giảm. Trường hợp trạng thái vẫn duy trì trên mức này vẫn nghiêng về cân bằng củng cố. Dòng tiền tiếp tục phân hóa nên cần chú trọng danh mục nắm giữ để có biện pháp cơ cấu phù hợp.
- Đối với HNX-Index**, lực cung chi phối hơn khiến chỉ số đóng cửa dưới ngưỡng MA50. Tuy nhiên thanh khoản thấp chưa xác nhận dấu hiệu sập gãy. Vận động có lẽ còn giằng co quanh hỗ trợ 270 (+/- 4 điểm).
- Chiến lược chung:** Duy trì tỷ trọng ở mức trung bình tránh rủi ro biến động mạnh. Trong bối cảnh phân hóa gia tăng, NĐT cần chú trọng danh mục nắm giữ để cơ cấu phù hợp. Đối với phân lớp cổ phiếu yếu, sau khi hạ tỷ trọng trước đó nên theo dõi thêm phản ứng tại hỗ trợ, trường hợp sập gãy hẳn mới cân nhắc hạ thêm. Chiều mua chỉ nên ưu tiên nhóm giao dịch kênh trên, nhưng vẫn tuân thủ kỷ luật nếu vi phạm stop loss. Nhóm ngành chú ý: Ngân hàng, Đầu tư công, Tiêu dùng.

### CỔ PHIẾU KHUYẾN NGHỊ

Nắm giữ CTD (Xem tiếp tại trang 6)

## Diễn biến chỉ số chứng khoán của các thị trường trong khu vực và thị trường lớn trên Thế giới

| Chỉ số              | Thị trường  | Giá đóng cửa | % Thay đổi giá |        | Chỉ số định giá |      |
|---------------------|-------------|--------------|----------------|--------|-----------------|------|
|                     |             |              | 1 ngày         | YTD    | P/E             | P/B  |
| VN-Index            | Việt Nam    | 1,652.7 ▼    | -0.7%          | 30.5%  | 15.9x           | 2.0x |
| SET-Index           | Thái Lan    | 1,288 ▲      | 1.0%           | -8.0%  | 16.2x           | 1.2x |
| JCI-Index           | Indonesia   | 8,071 ▬      | 0.3%           | 14.0%  | 19.4x           | 2.2x |
| FTSE Bursa Malaysia | Malaysia    | 12,191 ▲     | 1.1%           | -3.1%  | 16.0x           | 1.4x |
| PSEi Index          | Phillipines | 6,040 ▬      | 0.2%           | -7.5%  | 10.3x           | 1.3x |
| Shanghai Composite  | Trung Quốc  | 3,883        | -              | 15.8%  | 19.2x           | 1.6x |
| Hang Seng           | Hồng Kông   | 27,287 ▲     | 1.6%           | 36.0%  | 13.2x           | 1.4x |
| Nikkei 225          | Nhật Bản    | 44,937 ▬     | 0.9%           | 12.6%  | 19.9x           | 2.3x |
| S&P 500             | Mỹ          | 6,711 ▬      | 0.3%           | 14.1%  | 27.9x           | 5.5x |
| Dow Jones           | Mỹ          | 46,441 ▬     | 0.1%           | 9.2%   | 24.2x           | 5.6x |
| FTSE 100            | Anh         | 9,458 ▬      | 0.1%           | 15.7%  | 14.4x           | 2.2x |
| Euro Stoxx 50       | Châu Âu     | 5,655 ▲      | 1.3%           | 15.5%  | 17.2x           | 2.3x |
|                     |             |              |                |        |                 |      |
| DXV                 |             | 98 ▼         | -0.18%         | -10.0% |                 |      |
| USDVND              |             | 26,395 ▼     | -0.08%         | 3.6%   |                 |      |

Nguồn: Bloomberg, PHS tổng hợp

Ghi chú: Chỉ số S&P 500, Dow Jones, FTSE 100 và Euro Stoxx 50 lấy giá đóng cửa hôm trước

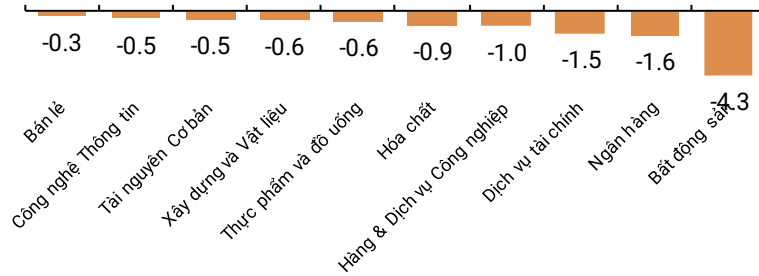
## Biến động giá/ chỉ số các loại hàng hóa toàn cầu

| Giá/ Chỉ số hàng hóa      |   | % Thay đổi giá |        |        |        |
|---------------------------|---|----------------|--------|--------|--------|
|                           |   | 1D             | 1M     | % YTD  | % YoY  |
| Dầu Brent                 | ▼ | -0.4%          | -5.9%  | -12.8% | -11.9% |
| Dầu WTI                   | ▼ | -1.3%          | -6.2%  | -14.2% | -12.2% |
| Khí gas                   | ▲ | 3.9%           | 14.1%  | -5.5%  | 18.9%  |
| Than cốc (*)              | ▬ | 0.0%           | -6.7%  | -13.7% | -18.7% |
| Thép HRC (*)              | ▬ | 0.0%           | -0.5%  | -2.5%  | -7.9%  |
| PVC (*)                   | ▬ | 0.0%           | -0.2%  | -5.2%  | -10.3% |
| Phân Urea (*)             | ▼ | -18.4%         | -18.4% | 12.0%  | 12.4%  |
| Cao su thiên nhiên        | ▬ | 0.2%           | -2.3%  | -13.7% | -20.3% |
| Bông Cotton               | ▼ | -0.3%          | -2.2%  | -7.7%  | -13.7% |
| Đường                     | ▲ | 2.1%           | 1.8%   | -14.6% | -27.5% |
| World Container Index     | ▼ | -5.2%          | -21.2% | -56.1% | -54.8% |
| Baltic Dirty tanker Index | ▼ | -2.8%          | 6.1%   | 19.1%  | 16.1%  |
|                           |   |                |        |        |        |
| Vàng                      | ▬ | 0.6%           | 9.9%   | 47.9%  | 46.0%  |
| Bạc                       | ▲ | 1.7%           | 16.0%  | 64.1%  | 49.0%  |

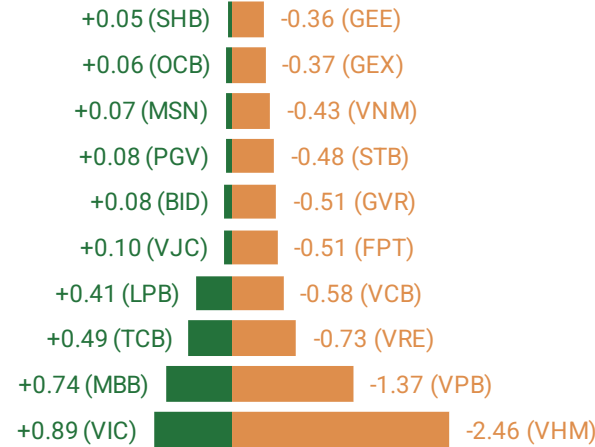
Nguồn: Bloomberg, PHS tổng hợp

Ghi chú (\*) Chỉ số giá tại thị trường Trung Quốc

### TOP NGÀNH ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO VNINDEX

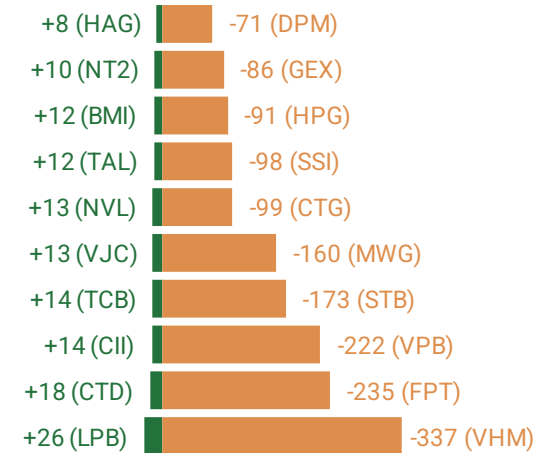


### TOP CỔ PHIẾU ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO VNINDEX

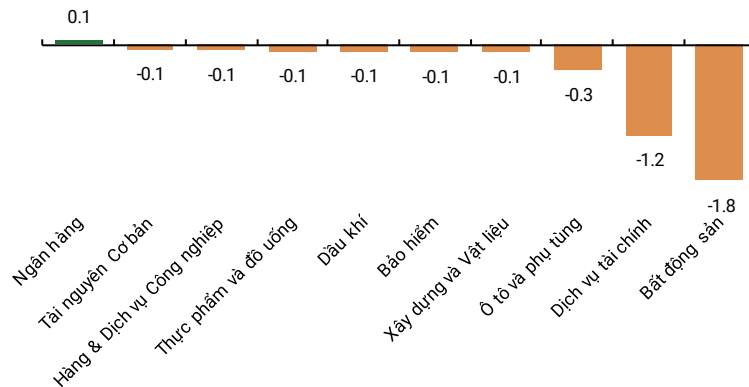


## BẢN TIN CHỨNG KHOÁN THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG CƠ SỞ

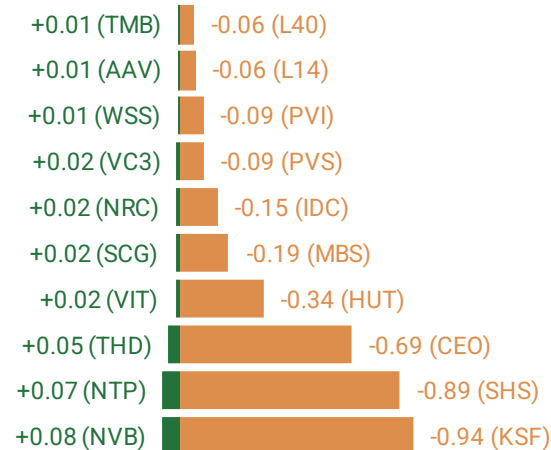
### TOP CỔ PHIẾU NGTTN GIAO DỊCH RÒNG (Tỷ VND) - VNINDEX



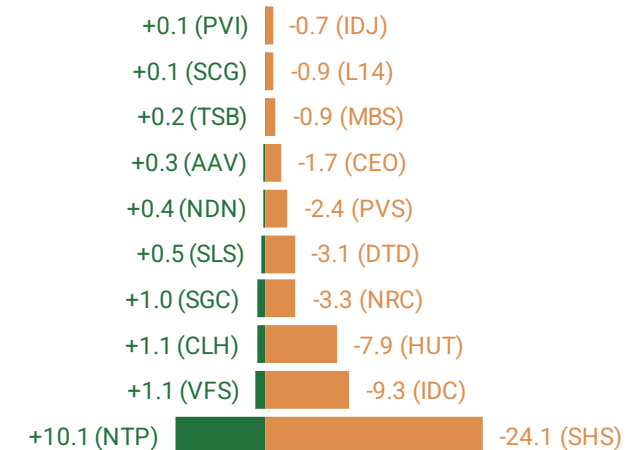
### TOP NGÀNH ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO HNXINDEX



### TOP CỔ PHIẾU ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO HNXINDEX



### TOP CỔ PHIẾU NGTTN GIAO DỊCH RÒNG (Tỷ VND) - HNXINDEX



### TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH KHỚP LỆNH (Tỷ VND) - VNINDEX



|         | MBB   | SHB   | VPB   | HPG   | SSI   |
|---------|-------|-------|-------|-------|-------|
| %DoD    | 1.5%  | 0.3%  | -2.4% | -0.7% | -1.9% |
| Giá trị | 1,192 | 1,081 | 971   | 854   | 811   |

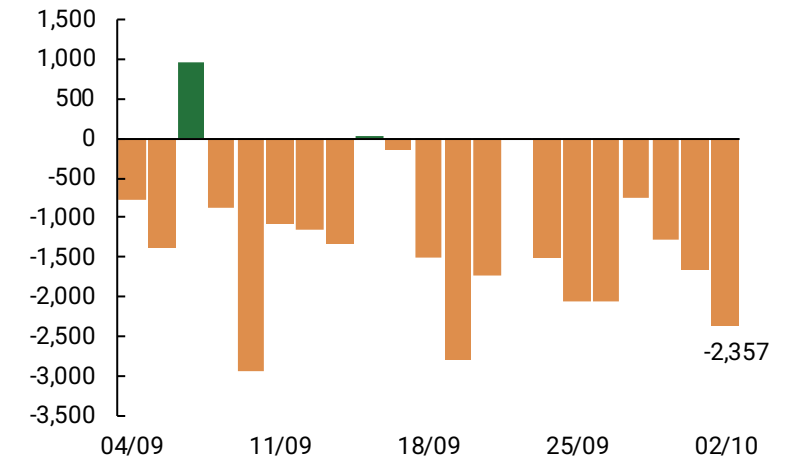
### TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH THỎA THUẬN (Tỷ VND) VNINDEX



|         | VIX   | FPT   | STB   | VJC  | VHM   |
|---------|-------|-------|-------|------|-------|
| %DoD    | -2.2% | -1.4% | -1.8% | 0.6% | -2.6% |
| Giá trị | 246   | 226   | 150   | 114  | 100   |

## BẢN TIN CHỨNG KHOÁN THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG CƠ SỞ

### GIÁ TRỊ GD RÒNG NĐTNN TẠI VNINDEX (Tỷ VND)



### TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH KHỚP LỆNH (Tỷ VND) - HNXINDEX



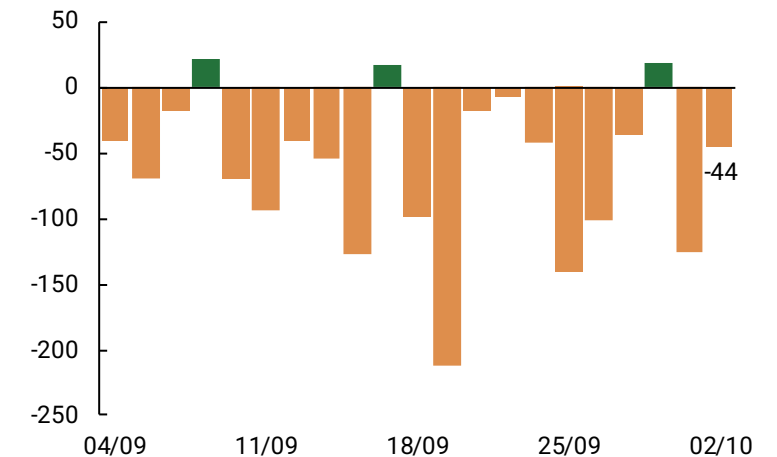
|         | SHS   | CEO   | MBS   | PVS   | VFS   |
|---------|-------|-------|-------|-------|-------|
| %DoD    | -3.1% | -4.3% | -3.2% | -0.9% | -1.1% |
| Giá trị | 438   | 293   | 180   | 67    | 60    |

### TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH THỎA THUẬN (Tỷ VND) HNXINDEX



|         | PVS   | HUT   | CEO   | VCM  | NAG   |
|---------|-------|-------|-------|------|-------|
| %DoD    | -0.9% | -3.4% | -4.3% | 6.0% | -2.3% |
| Giá trị | 47    | 8     | 4     | 2    | 1     |

### GIÁ TRỊ GD RÒNG NĐTNN TẠI HNXINDEX (Tỷ VND)





### Góc nhìn kỹ thuật VNindex

- ✓ Nến Shooting stars, vol tăng nhưng mức dưới bình quân 20 phiên.
- ✓ Hỗ trợ: 1590 – 1615.
- ✓ Kháng cự: 1680 - 1700.
- ✓ Chỉ báo MACD, RSI suy yếu.
- ✓ Xu hướng: Điều chỉnh.

**Kịch bản:** Nỗ lực bứt phá chưa thành công và lần nữa chỉ số lùi về khung dao động tích lũy. Thanh khoản chưa đột biến để xác nhận đảo chiều tiêu cực. **Vận động có lẽ tiếp tục rung lắc củng cố thêm quanh ngưỡng 1660 (+/- 15 điểm).** Nếu vượt lên thành công kháng cự 1680 có thể kỳ vọng quay lại quán tính tăng. Trường hợp suy yếu và đảo chiều dưới ngưỡng 1640 điểm, áp lực điều chỉnh sẽ tiếp tục chi phối với khả năng lùi về mốc tâm lý 1600.



### Góc nhìn kỹ thuật VN30

- ✓ Nến Shooting stars, vol tăng nhưng mức dưới bình quân 20 phiên.
  - ✓ Hỗ trợ: 1770 - 1800.
  - ✓ Kháng cự: 1880 - 1900.
  - ✓ Chỉ báo MACD, RSI suy yếu.
  - ✓ Xu hướng: Điều chỉnh.
- ➔ Chỉ số tiếp cận vùng cản trong chiều phục hồi và đã lùi về sắc đỏ, cho thấy lực cung phía trên còn chi phối. Dù vậy, khớp lệnh thấp chưa gây áp lực và vận động trở về lại vùng cân bằng quanh mốc 1860 (+/- 20 điểm). **Xu hướng giảm có lẽ còn tiếp diễn với kháng với hỗ trợ duy trì động lượng quanh mức 1830 điểm.**

| STOCK    |     | STRATEGY | Technical          |                    |       | Financial Ratio  |              |        |
|----------|-----|----------|--------------------|--------------------|-------|------------------|--------------|--------|
| Ticker   | CTD | HOLD     | Current price      | 81.6               |       | P/E (x)          | 18.1         |        |
|          |     |          | Action price       | (3/10)             | 81.8  | -0.2%            | P/B (x)      | 0.9    |
| Exchange |     |          | HOSE               | Cut loss (new)     | 78    | -4.6%            | EPS          | 4511.6 |
|          |     |          | Target price (new) | 92                 | 12.5% | ROE              | 5.1%         |        |
| Sector   |     |          | Heavy Construction | Target price (old) |       |                  | Stock Rating | BB     |
|          |     |          |                    |                    |       | Scale Market Cap | Medium       |        |



### TÍN HIỆU KỸ THUẬT

- Giá kiểm định tốt hỗ trợ quanh khu vực 78 – 80 ứng với MA20 ngày
  - Thanh khoản tăng đồng thuận chiều mua lên.
  - Chỉ báo MACD vẫn duy trì trên đường tín hiệu, trong khi RSI cũng cải thiện lên trên mức trung bình 50, hàm ý động lượng cải thiện.
  - Vì ngưỡng 78 đã được kiểm định với trạng thái tạo đáy cao hơn, nên đây sẽ trở thành ngưỡng hỗ trợ duy trì mới.
- ➔ Xu hướng kỳ vọng tiếp tục được củng cố và ủng hộ chiều đi lên.
- ➔ Khuyến nghị Nắm giữ, nâng giá cắt lỗ lên 78.

### Cổ phiếu khuyến nghị trong ngày

| STT | Mã CK | Khuyến nghị | Ngày khuyến nghị | Giá hiện tại | Giá thực hiện | LN/Lỗ hiện tại | Giá mục tiêu | LN kỳ vọng | Giá cắt lỗ | Rủi ro giảm | Ghi chú        |
|-----|-------|-------------|------------------|--------------|---------------|----------------|--------------|------------|------------|-------------|----------------|
| 1   | CTD   | Nắm giữ     | 03/10/2025       | 81.6         | 81.8          | -0.2%          | 92.0         | 12.5%      | 78         | -4.6%       | Nâng cắt lỗ 78 |

### Danh mục cổ phiếu đang khuyến nghị

| STT | Mã CK | Khuyến nghị | Ngày khuyến nghị | Ngày cập nhật khuyến nghị | Giá hiện tại | Giá thực hiện | LN/Lỗ hiện tại | Giá mục tiêu | LN kỳ vọng | Giá cắt lỗ | Rủi ro giảm | Ghi chú        |
|-----|-------|-------------|------------------|---------------------------|--------------|---------------|----------------|--------------|------------|------------|-------------|----------------|
| 1   | HPG   | Mua         | 12/09/2025       | -                         | 28.10        | 29.2          | -3.6%          | 33.0         | 13.2%      | 27.0       | -7.4%       | Nâng cắt lỗ 78 |
| 2   | CTD   | Nắm giữ     | 19/09/2025       | 03/10/2025                | 81.60        | 81.8          | -0.2%          | 92.0         | 12.5%      | 78.0       | -4.6%       |                |
| 3   | YEG   | Mua         | 26/09/2025       | -                         | 14.00        | 14.7          | -4.4%          | 16.5         | 12.6%      | 13.6       | -7.2%       |                |
| 4   | PVT   | Mua         | 29/09/2025       | -                         | 18.00        | 18.5          | -2.7%          | 21.0         | 13.5%      | 17.5       | -5.4%       |                |
| 5   | TCB   | Mua         | 02/10/2025       | -                         | 38.85        | 38.6          | 0.8%           | 42.5         | 10.2%      | 36.5       | -5.3%       |                |



### Tín hiệu kỹ thuật

- Hợp đồng VN30F1M** đóng cửa tại 1852.8, giảm 11.2 điểm (-0.6%). Thanh khoản tăng với độ lệch basis khoảng 7 điểm. Khối ngoại Mua ròng nhẹ 21 HĐ, tương ứng hơn 5 tỷ đồng. Vận động phục hồi nhanh trong phiên sáng nhưng đã đảo chiều hoàn toàn vào phiên chiều. Biến động mạnh xảy ra gần 15p trước ATC với lực cung có lúc đẩy giá về mức 1840.
- Ở đồ thị 15p**, nến sụt giảm chưa phủ định đà phục hồi trước đó, bên cạnh chỉ báo RSI đang tiếp cận vùng quá bán có thể thúc đẩy nhịp hồi. Theo dõi thêm phản ứng quanh khu vực hỗ trợ 1848 – 1852.
- Vị thế Long có thể tham gia khi giá củng cố được trên ngưỡng 1850. Vị thế Short cân nhắc khi giá suy yếu dưới ngưỡng 1844, hoặc có thể chờ ở vùng kháng cự phía trên quanh mức 1866-1870 nếu có dấu hiệu đảo chiều.

### Chiến lược giao dịch trong ngày

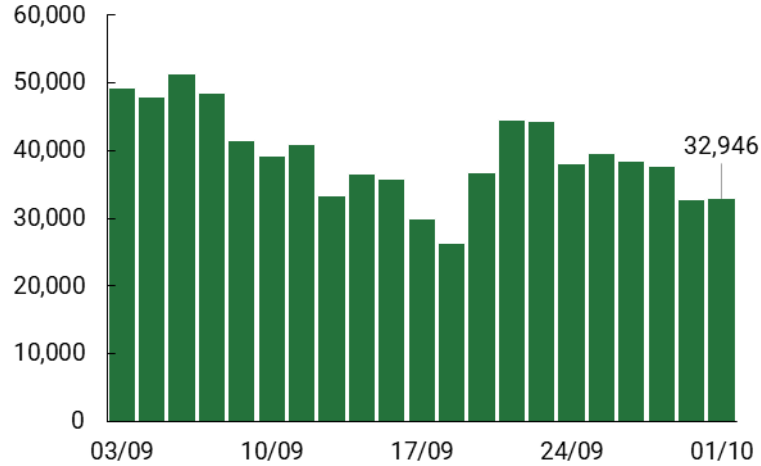
| Vị thế | Điểm vào | Chốt lời | Cắt lỗ | Lợi nhuận/<br>Rủi ro |
|--------|----------|----------|--------|----------------------|
| Long   | > 1.850  | 1.862    | 1.845  | 12 : 5               |
| Short  | < 1.844  | 1.832    | 1.850  | 12 : 6               |
| Short  | < 1.866  | 1.854    | 1.872  | 12 : 6               |

### Thông kê hợp đồng tương lai

| Mã hợp đồng | Giá đóng cửa | Thay đổi<br>(điểm) | KL giao dịch | KL Mở  | Giá lý thuyết | Chênh lệch | Ngày thanh<br>toán | Thời hạn còn lại (ngày) |
|-------------|--------------|--------------------|--------------|--------|---------------|------------|--------------------|-------------------------|
| VN30 Index  | 1,859.8      | -10.8              |              |        |               |            |                    |                         |
| 4111G3000   | 1,828.8      | 0.0                | 65           | 312    | 1,867.2       | -38.4      | 19/03/2026         | 168                     |
| 4111FB000   | 1,850.9      | 0.0                | 569          | 926    | 1,862.0       | -11.1      | 20/11/2025         | 49                      |
| 4111FA000   | 1,852.8      | 0.0                | 246,305      | 32,946 | 1,860.4       | -7.6       | 16/10/2025         | 14                      |
| VN30F2512   | 1,848.0      | 0.0                | 210          | 1,397  | 1,863.2       | -15.2      | 18/12/2025         | 77                      |



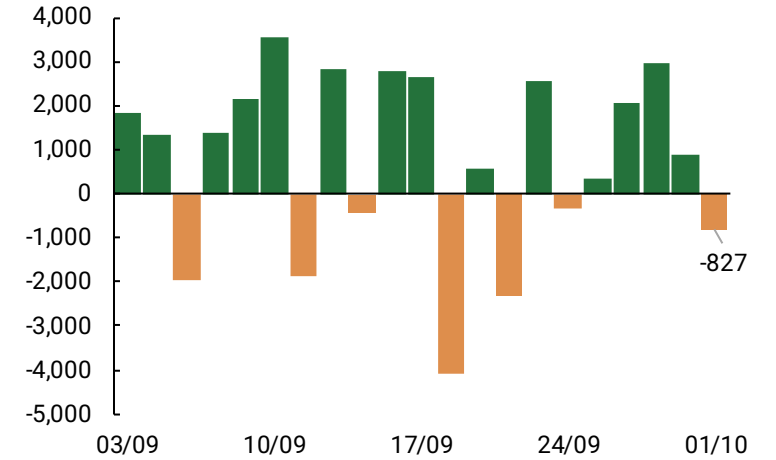
**Khối lượng mở (Open interest)**



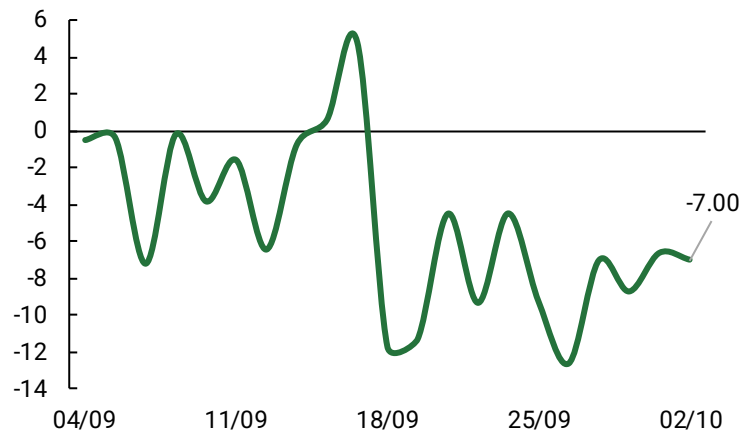
**Khối lượng giao dịch ròng của khối ngoại (Hợp đồng)**



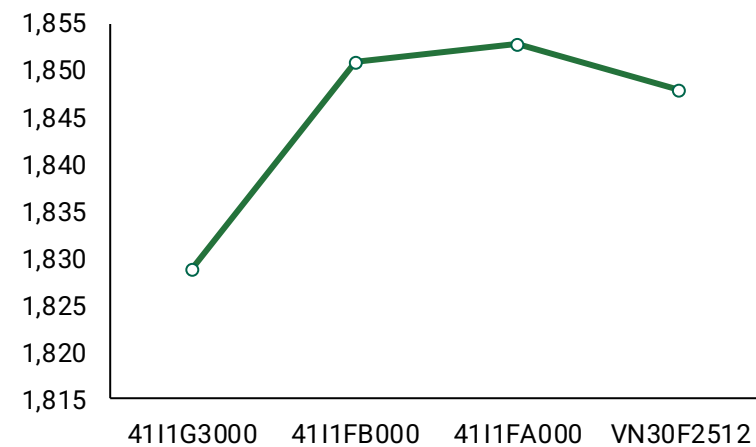
**Khối lượng giao dịch ròng của tự doanh (Hợp đồng)**



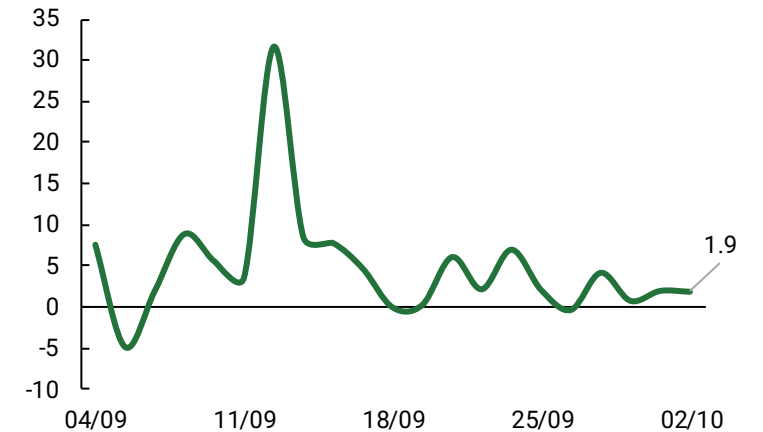
**Basis hợp đồng tương lai**



**Đường cong hợp đồng tương lai**



**VN30F1M – VN30F2M**



| Mã CK | Thị giá | Giá hợp lý * | Upside/<br>Downside | Khuyến nghị   |
|-------|---------|--------------|---------------------|---------------|
| AST   | 74,600  | 67,900       | -9.0%               | Giảm tỷ trọng |
| CTI   | 25,650  | 27,200       | 6.0%                | Nắm giữ       |
| DBD   | 53,800  | 68,000       | 26.4%               | Mua           |
| DDV   | 32,049  | 35,500       | 10.8%               | Tăng tỷ trọng |
| DGC   | 91,800  | 102,300      | 11.4%               | Tăng tỷ trọng |
| DGW   | 40,850  | 48,000       | 17.5%               | Tăng tỷ trọng |
| DPR   | 37,200  | 41,500       | 11.6%               | Tăng tỷ trọng |
| DRI   | 11,454  | 18,000       | 57.2%               | Mua           |
| EVF   | 13,750  | 14,400       | 4.7%                | Nắm giữ       |
| FRT   | 124,000 | 135,800      | 9.5%                | Nắm giữ       |
| GMD   | 66,000  | 72,700       | 10.2%               | Tăng tỷ trọng |
| HAH   | 53,600  | 67,600       | 26.1%               | Mua           |
| HDG   | 30,750  | 33,800       | 9.9%                | Nắm giữ       |
| HHV   | 15,450  | 12,600       | -18.4%              | Bán           |
| HPG   | 28,100  | 30,900       | 10.0%               | Nắm giữ       |
| IMP   | 52,500  | 55,000       | 4.8%                | Nắm giữ       |

| Mã CK | Thị giá | Giá hợp lý * | Upside/<br>Downside | Khuyến nghị   |
|-------|---------|--------------|---------------------|---------------|
| MBB   | 26,800  | 22,700       | -15.3%              | Bán           |
| MSH   | 34,550  | 47,100       | 36.3%               | Mua           |
| MWG   | 77,100  | 92,500       | 20.0%               | Tăng tỷ trọng |
| NLG   | 39,000  | 43,600       | 11.8%               | Tăng tỷ trọng |
| PHR   | 56,000  | 72,800       | 30.0%               | Mua           |
| PNJ   | 83,100  | 95,400       | 14.8%               | Tăng tỷ trọng |
| PVT   | 18,000  | 18,900       | 5.0%                | Nắm giữ       |
| SAB   | 45,400  | 59,900       | 31.9%               | Mua           |
| TCB   | 38,850  | 35,650       | -8.2%               | Giảm tỷ trọng |
| TCM   | 29,650  | 38,400       | 29.5%               | Mua           |
| TRC   | 70,500  | 94,500       | 37.8%               | Mua           |
| VCG   | 27,400  | 26,200       | 6.7%                | Nắm giữ       |
| VHC   | 54,000  | 60,000       | 12.7%               | Tăng tỷ trọng |
| VNM   | 61,200  | 69,500       | 18.4%               | Tăng tỷ trọng |
| VSC   | 28,050  | 17,900       | -39.4%              | Bán           |

\* Giá hợp lý đã điều chỉnh các quyền thực hiện sau ngày báo cáo

|       |                                                                                                              |
|-------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 01/10 | Việt Nam & Mỹ - Chỉ số PMI                                                                                   |
| 03/10 | Mỹ - Tỷ lệ thất nghiệp, Bảng lương phi nông nghiệp                                                           |
| 06/10 | Việt Nam - Công bố số liệu kinh tế VN Quý III và 9 tháng                                                     |
| 07/10 | Việt Nam - FTSE Russell công bố phân loại thị trường                                                         |
| 15/10 | Mỹ - Chỉ số giá tiêu dùng (CPI)                                                                              |
| 16/10 | Mỹ - Chỉ số giá sản xuất (PPI)<br>Việt Nam - Đáo hạn phái sinh                                               |
| 20/10 | Việt Nam - Công bố danh mục cổ phiếu thành phần thuộc chỉ số Diamond<br>Trung Quốc - Lãi suất cho vay cơ bản |
| 30/10 | Mỹ - FED công bố lãi suất điều hành<br>EU - ECB công bố lãi suất<br>Nhật Bản – BoJ công bố lãi suất          |
| 31/10 | Việt Nam - Công bố sơ bộ GDP<br>Việt Nam - Các quỹ ETF Diamond cơ cấu chỉ số                                 |

### THÔNG TIN VĨ MÔ

**Tỷ giá USD neo cao, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNN) bán ngoại tệ can thiệp:** Ngày 1/10, NHNN đã phát đi thông báo phương án bán ngoại tệ thông qua hợp đồng kỳ hạn, có huỷ ngang trong 180 ngày. Đây là lần can thiệp thứ hai của NHNN chỉ trong vòng hơn một tháng, tuy nhiên bất chấp động thái này, giá USD tại các ngân hàng thương mại trong ngày 1/10 vẫn neo ở mức kịch trần cho phép là 26.446 VND/USD.

**Tháng 01/2026 sẽ thu phí đường bộ cao tốc Bắc - Nam:** Trong báo cáo Chính phủ mới đây, Bộ Xây dựng cho biết sẽ tiến hành việc thu phí sử dụng đường bộ cao tốc Bắc - Nam từ tháng 01/2026. Đây là bước triển khai theo đúng nghị quyết của Quốc hội và Luật Đường bộ.

**Vàng thế giới đạt mức cao mọi thời đại mới:** Giá vàng tiếp tục đà tăng lên mức cao mới và gần chạm ngưỡng 4,000 USD/oz, khi Chính phủ Mỹ bước vào đợt đóng cửa đầu tiên sau gần 7 năm sau khi các nhà lập pháp đã không đạt được thoả thuận về ngân sách chính phủ. Giá vàng đã leo dốc gần 50% kể từ đầu năm.

### THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

**CTD - Cotecccons đặt cược vào mục tiêu 30.000 tỷ:** Công ty đặt kế hoạch doanh thu lịch sử 30,000 tỷ, lợi nhuận 700 tỷ đồng, tăng trưởng mạnh dựa trên backlog 45,000-50,000 tỷ. Tuy nhiên dòng tiền hoạt động âm 1,153 tỷ do thu hồi công nợ chậm, tồn kho tăng và lợi nhuận gộp giảm. Công ty tập trung mở rộng dự án hạ tầng, đầu tư công và quốc tế, đồng thời nâng cao hiệu quả quản lý chi phí.

**ANV - Lộ diện "vua" xuất khẩu cá rô phi của Việt Nam:** Trong 8 tháng đầu năm 2025, xuất khẩu cá rô phi Việt Nam (bao gồm cả cá điêu hồng), đạt 63 triệu USD, tăng 174%. Riêng cá rô phi đạt 52 triệu USD, tăng 359%, Mỹ chiếm 70%. Navico đứng đầu với doanh thu 6T2025 đạt 2,832 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế tăng gấp 32 lần cùng kỳ. Vốn hóa ANV gần 7,700 tỷ, kế hoạch lợi nhuận 2025 gấp 6 lần năm trước.

**LDG - Công ty lên kế hoạch hợp tác triển khai dự án LDG Sky với quy mô hơn 18.000 m2:** Đầu tư LDG lên kế hoạch hợp tác phát triển dự án LDG Sky, quy mô 18,031.3 m2, vốn 4,766 tỷ đồng. Công ty ghi nhận lỗ 92.23 tỷ đồng nửa đầu 2025, lỗ lũy kế 1,437.29 tỷ đồng, giảm nợ vay 26.8%. Tình hình tài chính yếu, nợ quá hạn và tiền mặt chỉ còn 1.55 tỷ đồng.

**VHM - Đột biến KQKD quý 3/2025: Một doanh nghiệp bất động sản được dự báo doanh thu tăng 19.000%:** VCBS dự báo KQKD BĐS quý 3/2025 chưa cao nhưng doanh số và dòng tiền nhiều DN cải thiện, cổ phiếu còn dư địa tăng. VHM dự kiến doanh thu tăng 31%, lợi nhuận tăng 37% nhờ các dự án Vinhomes Ocean Park 2-3, Royal Island, Golden Avenue và mở bán Vinhomes Green City, Golden City.

**SHS được VIS Rating xếp hạng tín nhiệm ở mức A, triển vọng "Ổn định":** VIS Rating xếp hạng tín nhiệm dài hạn A cho SHS với triển vọng ổn định, đánh giá năng lực tài chính, đòn bẩy và thanh khoản ở mức mạnh. SHS duy trì ROAA 7,7%, thấp đòn bẩy 1,3 lần; kế hoạch mở rộng môi giới, cho vay ký quỹ, tăng vốn và phát hành trái phiếu nhằm gia tăng sự ổn định và đa dạng hóa nguồn thu.

### **Đảm bảo phân tích**

Báo cáo được thực hiện bởi **Lê Trần Khang, chuyên viên phân tích cao cấp – Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng**. Mỗi nhân viên phụ trách về phân tích, chiến lược hay nghiên cứu chịu trách nhiệm cho sự chuẩn bị và nội dung của tất cả các phần có trong bản báo cáo nghiên cứu này đảm bảo rằng, tất cả các ý kiến của những người phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đều phản ánh trung thực và chính xác ý kiến cá nhân của họ về những vấn đề trong bản báo cáo. Mỗi nhân viên phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đảm bảo rằng họ không được hưởng bất cứ khoản chi trả nào trong quá khứ, hiện tại cũng như tương lai liên quan đến các khuyến cáo hay ý kiến thể hiện trong bản báo cáo này

### **Định nghĩa xếp loại**

**MUA:** Cổ phiếu có tiềm năng tăng giá hơn 20%.

**TĂNG TỶ TRỌNG:** Cổ phiếu có tiềm năng tăng giá từ 10% đến 20%.

**NẮM GIỮ:** Cổ phiếu cho thấy tiềm năng tăng trưởng hạn chế dưới 10%.

Hiệu suất được định nghĩa là tổng lợi nhuận trong 12 tháng (bao gồm cả cổ tức).

**BÁN:** Cổ phiếu có khả năng giảm hơn -10%.

**GIẢM TỶ TRỌNG:** Cổ phiếu có thể giảm nhẹ từ 0% đến -10%

**KHÔNG XẾP HẠNG:** Cổ phiếu không được xếp hạng trong phạm vi theo dõi của PHS hoặc chưa được niêm yết.

### **Miễn trừ trách nhiệm**

Báo cáo nghiên cứu này được chuẩn bị bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (PHS) nhằm mục đích cung cấp thông tin. Thông tin được trình bày trong báo cáo này được thu thập từ các nguồn được cho là đáng tin cậy, nhưng PHS không đảm bảo về tính chính xác hoặc đầy đủ của thông tin đó. Các quan điểm, ước tính, và dự báo trong báo cáo này phản ánh đánh giá hiện tại của tác giả tại thời điểm phát hành báo cáo và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Báo cáo này không phải là một lời đề nghị bán hoặc mời chào mua bất kỳ loại chứng khoán nào. Báo cáo này không nhằm mục đích cung cấp tư vấn đầu tư cá nhân và không xét đến các mục tiêu đầu tư cụ thể, tình hình tài chính, hoặc nhu cầu của bất kỳ cá nhân nào. PHS, các công ty liên kết và/hoặc các cán bộ, giám đốc hoặc nhân viên của họ có thể có lợi ích hoặc vị trí trong, và có thể thực hiện các giao dịch liên quan đến chứng khoán hoặc quyền chọn được đề cập trong báo cáo này. PHS cũng có thể thực hiện hoặc tìm cách thực hiện các dịch vụ ngân hàng đầu tư hoặc các dịch vụ khác cho các công ty được đề cập trong báo cáo này. PHS, các công ty liên kết của mình, cũng như các cán bộ, giám đốc hoặc nhân viên của họ, không chịu bất kỳ trách nhiệm pháp lý nào đối với bất kỳ tổn thất trực tiếp hoặc hệ quả nào phát sinh từ việc sử dụng báo cáo này hoặc nội dung của nó

### **© Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (PHS)**

Tầng 21, Phú Mỹ Hưng Tower, 08 Hoàng Văn Thái, Phường Tân Mỹ, Tp. HCM

Điện thoại: (+84-28) 5 413 5479 Fax: (+84-28) 5 413 5472

Hỗ trợ khách hàng: 1900 25 23 58

Hỗ trợ đặt lệnh: (+84-28) 5 413 5488

E-mail: info@phs.vn / support@phs.vn

Web: www.phs.vn

#### **Chi nhánh Quận 1**

Phòng 1003A, Tầng 10, Tòa nhà Ruby, 81-83-83B-85 Hàm Nghi, Phường Sài Gòn, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 3 535 6060

Fax: (84-28) 3 535 2912

#### **Chi nhánh Thanh Xuân**

Tầng 5, Tòa nhà UDIC Complex, N04 Hoàng Đạo Thúy, Phường Thanh Xuân, Hà Nội.

Điện thoại: (84-24) 6 250 9999

Fax: (84-24) 6 250 6666

#### **Chi nhánh Quận 3**

Tầng 4, D&D Tower, 458 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Bàn Cờ, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 3 820 8068

Fax: (84-28) 3 820 8206

#### **Chi nhánh Hải Phòng**

Tầng 2, Tòa nhà Eliteco, 18 Trần Hưng Đạo, Phường Hồng Bàng, Hải Phòng

Điện thoại: (84-225) 384 1810

Fax: (84-225) 384 1801

#### **Chi nhánh Tân Bình**

Tòa nhà Park Legend, 251 Hoàng Văn Thụ, Phường Tân Sơn Hòa, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 3 813 2401

Fax: (84-28) 3 813 2415